

BÁO CÁO NĂM 2021

CÀ PHÊ





MỤC LỤC

I. NGÀNH CÀ PHÊ THẾ GIỚI 2021	4
1.1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÀ PHÊ THẾ GIỚI NĂM 2021	4
1.2. THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ THẾ GIỚI NĂM 2021	5
1.2.1. Xuất khẩu cà phê thế giới năm 2021	5
1.2.2. Nhập khẩu cà phê thế giới năm 2021	7
1.2.3. Cân bằng cung cầu cà phê thế giới năm 2021	7
1.3. BIẾN ĐỘNG GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI	9
II. CÀ PHÊ VIỆT NAM 2021	12
2.1. DIỆN TÍCH SẢN XUẤT CÀ PHÊ	12
2.2. NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG	13
2.3. THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ	15
2.3.1. Tiêu dùng cà phê trong nước	15
2.3.2. Xuất khẩu cà phê 2021	17
2.4. DIỄN BIẾN GIÁ CÀ	20
III. TRIỂN VỌNG CÀ PHÊ NĂM 2022	22
3.1. THẾ GIỚI	22
3.2. VIỆT NAM	24

**DANH SÁCH BẢNG BIỂU**

Bảng 1: Cân bằng sản xuất – tiêu dùng cà phê thế giới	8
Bảng 2: Sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2020/2021	14
Bảng 3: Định hướng phát triển ngành cà phê chế biến trong nước	15
Bảng 4: Sản lượng cà phê niên vụ 2019 đến 2022	25
Bảng 5: Sản lượng, cung và cầu cà phê của Việt Nam.....	26

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1: Sản lượng cà phê toàn cầu từ niên vụ 2010/11 đến niên vụ 2020/2021	4
Hình 2: Cơ cấu xuất khẩu cà phê thế giới.....	6
Hình 3: Tổng xuất khẩu theo khu vực	7
Hình 4: Biến động tồn kho cà phê tại các sàn giao dịch trên thế giới năm 2021	8
Hình 5: Biến động chỉ số giá tổng hợp ICO	9
Hình 6: Chỉ số giá các loại cà phê năm 2021.....	10
Hình 7: Biến động giá cà phê trên 2 sàn London và New York	10
Hình 8: Diện tích và sản lượng cà phê Việt Nam	12
Hình 9: Sản lượng và năng suất cà phê Việt Nam.....	13
Hình 10: Tiêu dùng cà phê trong nước của Việt Nam.....	16
Hình 11: Xuất khẩu cà phê theo lượng và kim ngạch.....	17
Hình 12: Biến động giá cà phê nhân xô thu mua của một số thị trường trong nước.....	20
Hình 13: Biến động giá xuất khẩu cà phê FOB tại cảng HCM	20
Hình 14: Ước tính sản lượng của Brazil	22
Hình 15: Dự báo sản lượng, tiêu thụ và tồn kho thế giới.....	23

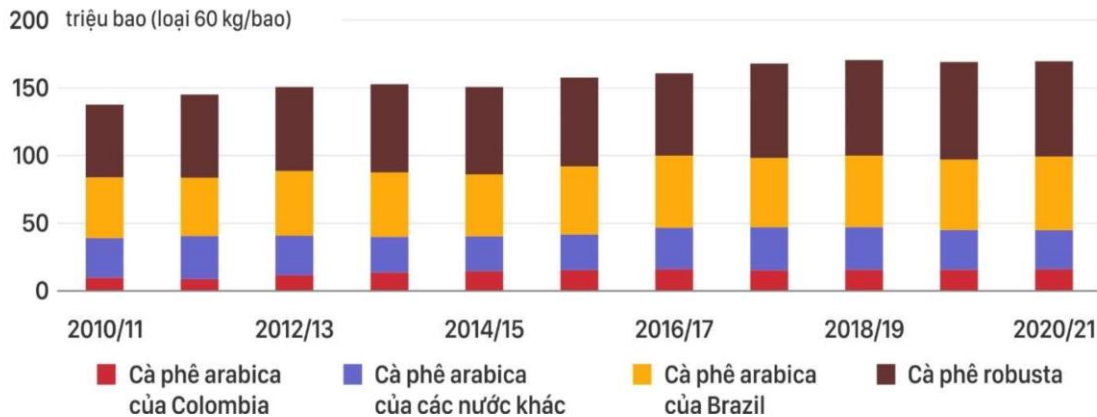


I. NGÀNH CÀ PHÊ THẾ GIỚI 2021

1.1. Tình hình sản xuất cà phê thế giới năm 2021

Thu hoạch cho niên vụ 2020/21 đã được hoàn thành tại tất cả các nước và trọng tâm của thị trường dự kiến sẽ chuyển sang đầu ra từ trồng trọt niên vụ 2021/22 cũng như niên vụ 2022/23. Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) ước tính tổng sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2020/21 đạt khoảng 169,64 triệu bao, tăng 0,4% so với 169,98 triệu bao của niên vụ trước. Trong đó sản xuất arabica đạt 99,3 triệu bao, tăng 2,3% trong khi sản xuất Robusta đạt 70,4 triệu bao, giảm 2,1%.

Hình 1: Sản lượng cà phê toàn cầu từ niên vụ 2010/11 đến niên vụ 2020/2021



Nguồn: ICO

Xét về khu vực, niên vụ 2020/2021, sản lượng khu vực Châu Phi vẫn ổn định ở mức 18,75 triệu bao trong khi đó sản lượng cho khu vực châu Á và Châu Đại Dương ước tính giảm 1,1% xuống 48,91 triệu bao. Sản lượng tại Trung Mỹ và Mexico giảm 2,1% xuống 19,19 triệu bao. Sản lượng từ Nam Mỹ dự kiến tăng 1,9% lên 82,79 triệu bao so với niên vụ 2019/20.

Rủi ro thời tiết cũng như nguy cơ gián đoạn dòng chảy thương mại từ các biện pháp phòng dịch Covid -19 nghiêm ngặt đã đe dọa nghiêm trọng đối với việc cung cấp cà phê nhân. Bang Minas Gerais – nơi sản xuất 70% sản lượng arabica của Brazil – đã bị băng giá nghiêm trọng, khiến nhiều cây cà phê bị chết. Ảnh hưởng của những thiệt hại đó đến nay vẫn chưa được khắc phục hoàn toàn. Cơ quan dự báo nông sản của Brazil – Conab, cho biết sản lượng arabica của Brazil năm 2021 đã giảm xuống 31,4 triệu bao, thấp hơn 36% so với năm 2020. Năm 2021 được coi là năm năng suất thấp theo chu kỳ hai năm một. Nhưng ngay cả so với



năm 2019, cũng là năm năng suất thấp theo chu kỳ, thì sản lượng năm 2021 cũng đang giảm hơn. Trước đại dịch, Brazil đã thu hoạch 49,3 triệu bao cà phê. Theo Chủ tịch Hiệp hội Cà phê Brazil, vụ thu hoạch tiếp theo (năm 2022), được coi là năm năng suất cao theo chu kỳ, cũng có thể gây thất vọng với sản lượng ước tính chỉ là 49 triệu bao do hạn hán và sương giá sẽ ảnh hưởng lâu dài đến các đồn điền cà phê. Không chỉ nguồn cung giảm ở Brazil, thời tiết xấu đã khiến sản lượng cà phê của Colombia giảm 9,35% trong năm 2021, xuống 12,6 triệu bao, là năm thứ 2 liên tiếp giảm, một trong những yếu tố giảm sản lượng là do tình trạng bất ổn dân sự và các cuộc biểu tình diễn ra từ tháng 5 đến tháng 6. Trong khi đó, tại hai nước Honduras và Nicaragua, khu vực sản xuất lớn của thế giới phải gánh chịu hậu quả nặng nề từ cơn bão Eta và Iota, khiến thu hoạch cà phê Arabica ở vùng thấp của hai nước này bị đình trệ hoàn toàn.

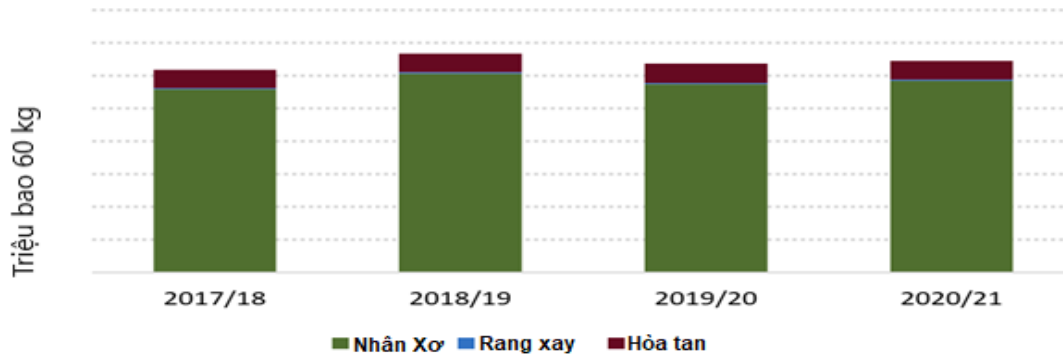
Chi phí giao dịch và sản xuất tăng, bao gồm cả phân bón và nhân công đặc biệt là chi phí vận tải làm bớt lợi nhuận của người trồng cà phê. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng cà phê thế giới trong niên vụ 2021/2022 giảm 8,5 triệu bao (tương ứng giảm 4,8%) so với niên vụ 2020/2021 xuống còn 167,5 triệu bao (loại 60 kg/bao), chủ yếu do cây cà phê arabica tại Brazil bước vào chu kỳ năng suất thấp hai năm một lần và ảnh hưởng bởi các yếu tố thời tiết bất lợi.

Nông dân trồng cà phê đặc sản của Brazil đang chuyển sang nuôi ong để tăng cả về sản lượng và chất lượng cà phê đặc sản. Cụ thể, loài ong Apis Mellifera lai giữa châu Âu và châu Phi đã được đưa vào thụ phấn cho cây cà phê trên khắp các trang trại của Brazil. Brazil còn mở rộng diện tích trồng Conilon là loại cà phê tương đương với robusta, chất lượng thấp hơn nhưng giá thấp cạnh tranh với robusta của Việt Nam.

1.2. Thương mại cà phê thế giới năm 2021

1.2.1. Xuất khẩu cà phê thế giới năm 2021

Theo Tổ chức cà phê quốc tế (ICO), niên vụ cà phê 2020/21, xuất khẩu cà phê niên vụ 2020/21 tăng 1,3% lên 129,03 triệu bao so với 127,36 triệu bao trong niên vụ 2019/20. Lượng cà phê nhân xuất khẩu đạt 116,87 triệu bao, tăng 1,8% so với mức 114,83 triệu bao so với niên vụ 2019/20. Cơ cấu xuất khẩu của các nước xuất khẩu vẫn chủ yếu là cà phê nhân, chiếm lần lượt 90,6% và 90,2% tổng kim ngạch xuất khẩu trong niên vụ 2020/21 và 2019/20.

**Hình 2: Cơ cấu xuất khẩu cà phê thế giới**

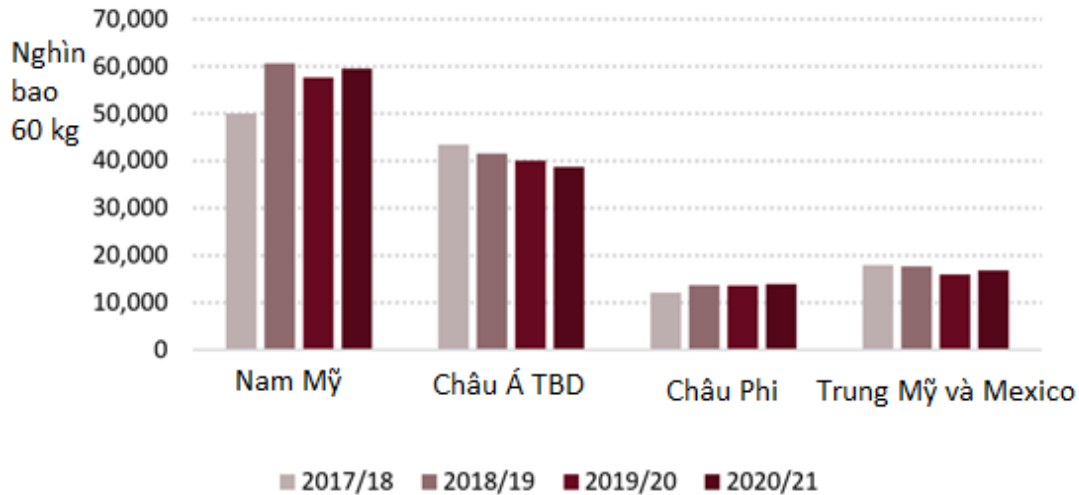
Nguồn: ICO

Xét theo khu vực, niên vụ 2020/21, xuất khẩu khu vực Nam Mỹ tăng 3,2% lên 59,52 triệu bao so với 57,67 triệu bao trong năm 2019/20. Xuất khẩu của Brazil tăng 5,0% lên mức 43,04 triệu bao từ 41,01 triệu bao trong 2019/20. Xuất khẩu của Colombia vẫn tương đối ổn định với mức tăng 1,5% từ 12,64 triệu bao niên vụ 2019/20 lên 12,83 triệu bao trong niên vụ 2020/2. Trong khi đó, xuất khẩu của Peru đã giảm 11,2% xuống 3,16 triệu trong năm 2020/21 từ 3,56 triệu trong niên vụ 2019/20.

Xuất khẩu cà phê khu vực châu Á và châu Đại Dương trong niên vụ 2020/21 giảm 3,2% từ 40,06 triệu bao trong niên vụ 2019/2020 xuống 38,76 triệu bao vào niên vụ 2020/21. Xuất khẩu của Việt Nam giảm 7,5% từ mức 26,54 triệu bao trong niên vụ 2019/20 đến 25,56 triệu bao trong 2020/21. Xuất khẩu của Ấn Độ tăng 12,0% từ 5,13 triệu bao niên vụ 2019/20 lên 5,96 triệu bao năm 2020/21.

Xuất khẩu khu vực Trung Mỹ và Mexico niên vụ 2020/21 tăng 5,11% đến 16,8 triệu bao. Honduras đã phục hồi xuất khẩu sau khi bị ảnh hưởng bởi các cơn bão Iota và Eta, xuất khẩu tăng 6,7% lên 5,87 triệu bao trong niên vụ 2020/21. Trong khi đó Nicaragua, nơi chịu những thảm họa khí hậu tương tự như Honduras, đã ghi nhận xuất khẩu giảm 4,5% xuống 2,61 triệu bao vào năm 2020/21. Lượng xuất khẩu tăng lần lượt 12,7% và 4,3% ở Guatemala và Mexico. Xuất khẩu của Costa Rica giảm 1,8% trong khi xuất khẩu tăng 5,8% tại El Salvador.

Xuất khẩu Châu Phi tăng 2,2% lên 13,95 triệu bao so với niên vụ 2019/20. Xuất khẩu tăng ở Uganda (21,4%), Tanzania (25,0%) và Kenya (5,9%) trong khi giảm lần lượt 12,2% và 49,0% lần lượt ở Ethiopia và Bờ Biển Ngà.

**Hình 3: Tổng xuất khẩu theo khu vực**

Nguồn: ICO

1.2.2. Nhập khẩu cà phê thế giới năm 2021

Theo ICO, nhập khẩu từ tất cả các quốc gia trong nhóm Thành viên nhập khẩu ICO và Mỹ niên vụ 2020/2021 tăng 2,3% lên mức 116,7 triệu bao. So với niên vụ trước nhập khẩu cà phê tại các thị trường đều tăng, cụ thể: EU tăng 1,8% lên 54,5 triệu bao; Bắc Mỹ tăng 3,7% lên 31,77 triệu bao, Nam Mỹ tăng 1,1% lên 27,25 triệu bao. Châu Phi tăng 2,1% lên 11,96 triệu bao, Châu Á và Châu Đại Dương tăng 1,3% lên 36,27 triệu bao.

1.2.3. Cân bằng cung cầu cà phê thế giới năm 2021

Theo ICO tiêu thụ cà phê thế giới đang tiếp tục tăng trưởng ổn định trong 10 năm qua như trước khi sự bùng nổ của covid-19 dịch bệnh. Niên vụ 2020/2021 ước tính tăng 1,9% lên 167,15 triệu bao so với mức 164,02 triệu bao niên vụ 2019/20. Với triển vọng nói lỏng các hạn chế liên quan đến covid-19 và kỳ vọng nền kinh tế phục hồi, tiêu dùng thế giới dự kiến sẽ tiếp tục tăng. Tiêu dùng thế giới ổn định sẽ thắt chặt tỷ lệ cung cầu và gia tăng khả năng giá cà phê tiếp tục tăng. ICO dự báo trong giai đoạn 2021-2025, thị trường cà phê toàn cầu sẽ ghi nhận mức tăng trưởng bình quân 7,6%.

**Bảng 1: Cân bằng sản xuất – tiêu dùng cà phê thế giới**

DVT: nghìn bao

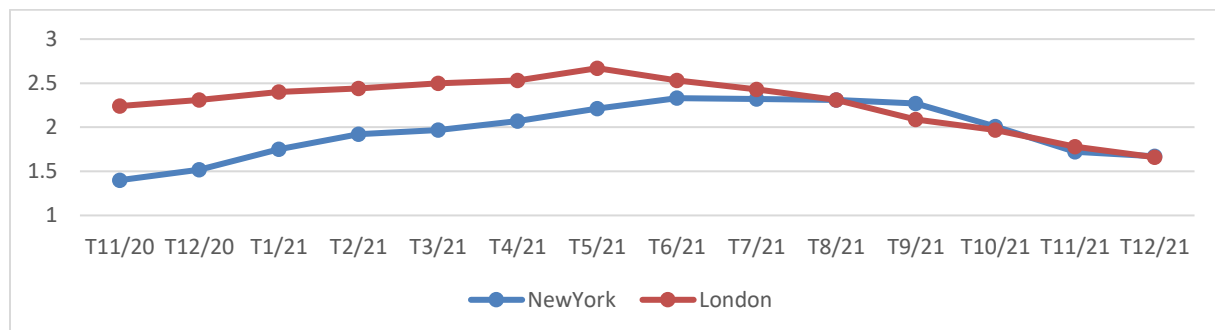
Niên vụ (năm bắt đầu)	2016	2017	2018	2019	2020 *	% thay đổi 2019/20
SẢN XUẤT	160.608	167.868	170.332	168,979	169.635	0,4%
Châu Phi	16.839	17.461	18.586	18.726	18.747	0,1%
Châu Á & Châu Đại Dương	47,930	52.203	48.173	49.448	48.909	- 1,1%
Mexico & Trung Mỹ	20.322	21.752	21.640	19.598	19.194	- 2,1%
Nam Mỹ	75.516	76.453	81,934	81,208	82.785	1,9%
TIÊU THỤ	158.527	161.765	167.535	164.019	167.148	1,9%
Quốc gia xuất khẩu	48.334	49.686	50.245	49.995	50.493	1,0%
Quốc gia nhập khẩu	110.193	112.079	117.290	114.024	116.655	2,3%
Châu phi	10.668	11.344	11,927	11.726	11,969	2,1%
Châu Á & Châu Đại Dương	34.781	35.147	36.219	35.801	36.271	1,3%
Mexico & Trung Mỹ	5,194	5.273	5,431	5.347	5.381	0,6%
Châu Âu	52.203	53.142	55.053	53.566	54.504	1,8%
Bắc Mỹ	29.559	29.941	31.779	30.628	31.768	3,7%
Nam Mỹ	26.123	26,918	27.126	26,951	27.255	1,1%
TỒN KHO	2.081	6.103	2.797	4.960	2.487	

Nguồn: ICO

Tồn kho đầu niên vụ 2021 khá dồi dào do các nước sản xuất cà phê kết thúc vụ thu hoạch mức 4.960 nghìn bao, nhưng giảm vào cuối niên vụ khi nguồn hàng cạn và cũng như ảnh hưởng do trở ngại trong lưu thông. Tồn kho cuối niên vụ 2020/2021 ước tính là 2.487 nghìn bao.

Hình 4: Biến động tồn kho cà phê tại các sàn giao dịch trên thế giới năm 2021

DVT: triệu bao 60 Kg



Nguồn: ICO

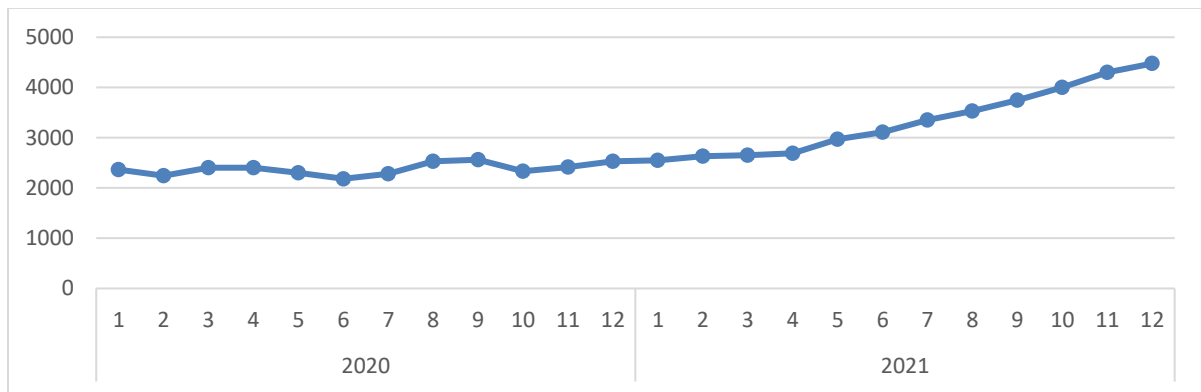


Tồn trữ cà phê thế giới đã giảm kể từ tháng 9 do chi phí vận chuyển tăng cao và thời tiết bất lợi làm giảm sản lượng ở Brazil, nước trồng và xuất khẩu lớn nhất thế giới. Năm 2021, Brazil đã chứng kiến phần lớn diện tích cà phê bị hư hại do băng giá, đẩy giá cà phê giữa 2021 tăng lên mức cao nhất trong vòng gần một thập kỷ. Lượng Arabica – loại cà phê cao cấp được các cửa hàng và các chuỗi đồ uống như Starbucks Corp ưa chuộng - lưu tại các kho của sàn ICE đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 20 năm. Trong khi lượng tồn trữ cà phê thế giới giảm sâu thì việc giao hàng cũng giảm sút giữa bối cảnh chi phí vận chuyển cao. Giá cà phê arabica giao sau, một trong những mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Brazil, đã tăng vọt lên hơn 2 USD/lb vào tháng 6/2021, mức cao nhất kể từ năm 2014. Chỉ trong hơn 5 tháng đầu năm ngoái, giá cà phê đã tăng 60%.

1.3. Biến động giá cà phê thế giới

Theo báo cáo của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) cho thấy, chỉ số giá cà phê tăng đều trong năm 2021, đặc biệt tăng rõ rệt kể từ tháng 4/2021 và đạt đỉnh vào tháng 12/ 2021 với chỉ số giá là 4.476 USD/ tấn. Mức trung bình hàng năm là 3.334 USD/ tấn, tăng 41% so với năm 2020.

Hình 5: Biến động chỉ số giá tổng hợp ICO

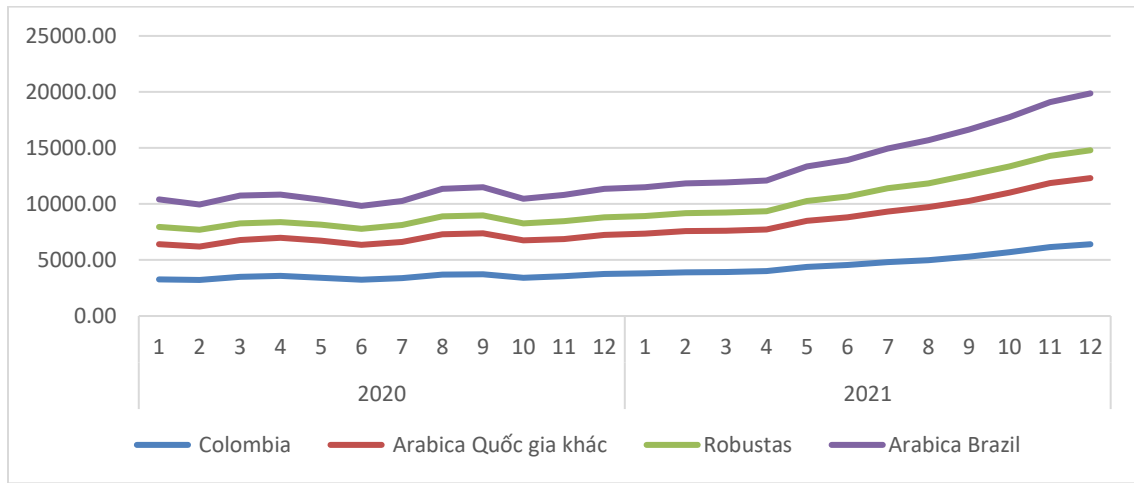


Nguồn: ICO

Giá tất cả các nhóm cà phê đều có xu hướng tăng trong năm 2021 đặc biệt là 6 tháng cuối năm. Nhóm cà phê arabica Colombia có mức giá cao nhất đạt trung bình 4.828 USD/ tấn, tăng 48,16% so với năm 2020, nhóm cà phê arabica Brazil đạt trung bình 3.568 USD/ tấn, tăng 27,36%, nhóm cà phê arabica quốc gia khác có giá trung bình là 4.510 USD/ tấn tăng 43,42%. Nhóm cà phê robusta có mức giá thấp nhất là 1.980 USD/ tấn, mức tăng cũng thấp nhất trong các nhóm cà phê là 27,36% so với năm 2020.



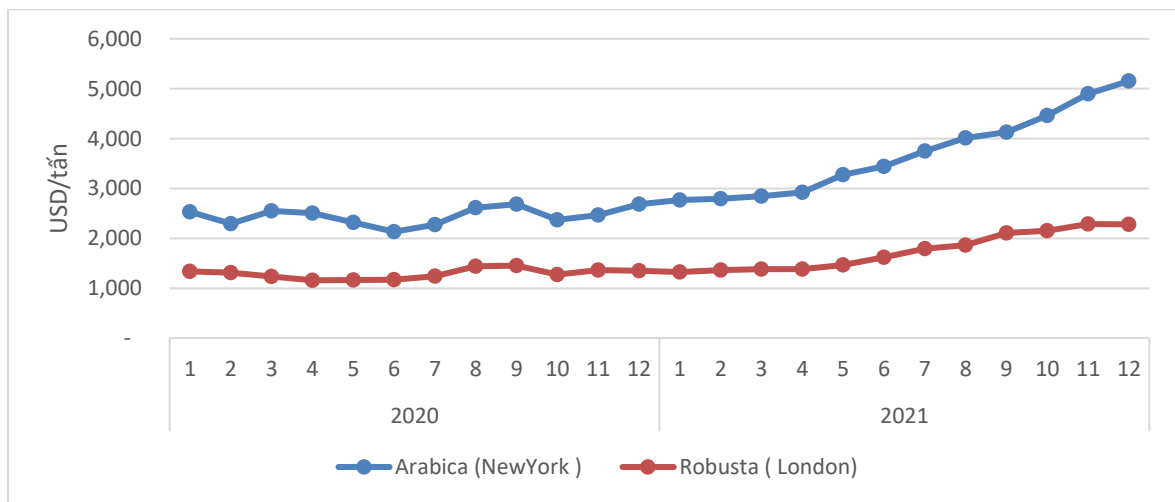
Hình 6: Chỉ số giá các loại cà phê năm 2021



Nguồn: ICO

Về giá cà phê kỳ hạn, giá cà phê Robusta và Arabica trên sàn kỳ hạn London và New York đều tăng. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tại sàn London trong năm 2021 đạt trung bình 1.718 USD/tấn, tăng 32,6% so với năm 2020 trong khi đó giá cà phê Arabica kỳ hạn tại sàn New York tăng 46,7% lên mức 3.598 USD/tấn.

Hình 7: Biến động giá cà phê trên 2 sàn London và New York



Nguồn: ICE, Agroiinfo tổng hợp 2021

Năm 2021, giá cà phê thế giới tăng, nhiều thời điểm chứng kiến mức tăng lớn nhất trong 10 năm gần đây, các chuyên gia quốc tế đánh giá chủ yếu xuất phát từ một số nguyên nhân chính như:



Đối với robusta, giá cũng bám sát arabica do nguồn cung từ Việt Nam năm 2021 giảm so với năm trước đó, và do chịu ảnh hưởng từ giá arabica. Chi phí vận chuyển tăng cao và thiếu container đã ảnh hưởng đến khối lượng xuất khẩu cà phê Việt Nam, nước sản xuất robusta hàng đầu thế giới, và là nước sản xuất cà phê nói chung lớn thứ 2 thế giới. Hiện nay, để chuyên chở một thùng cà phê từ châu Á đến châu Âu, doanh nghiệp sẽ phải trả từ 7.000 USD đến 8.000 USD so với chỉ 1.500 USD trước khi có khủng hoảng đại dịch Covid-19.

Công ty tư vấn Fitch Solutions dự báo giá cà phê có thể duy trì cao đến năm 2022, không chỉ vì sản lượng thu hoạch sụt giảm, mà còn nhờ “nhu cầu cà phê, ít nhất là ở Châu Âu và Mỹ sẽ tăng lên trong những tháng tới, khi những hạn chế để chống Covid-19 được dỡ bỏ, cho phép các quán cà phê được mở cửa trở lại. Theo Fitch Solutions, giá bình quân cà phê arabica năm 2022 có thể tăng từ 1,25 USD/lb lên 1,5 USD/lb.

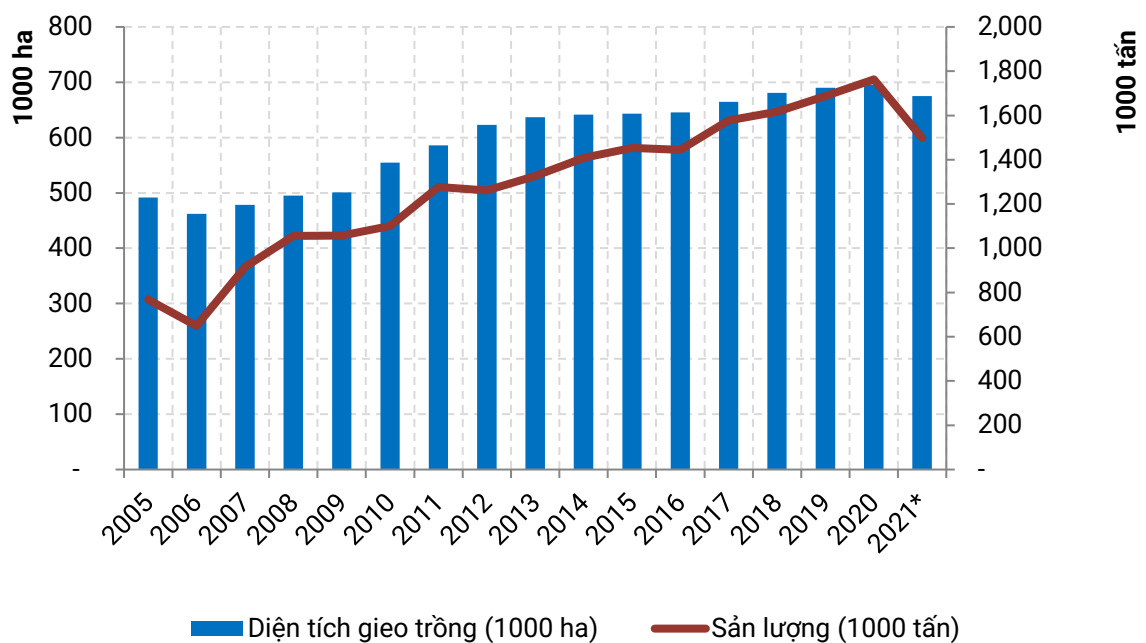


II. CÀ PHÊ VIỆT NAM 2021

2.1. Diện tích sản xuất cà phê

Việt Nam được chia thành hai vùng khí hậu phù hợp cho sản xuất cà phê. Vùng Tây Nguyên có đất đỏ bazan, rất thuận lợi để trồng cà phê vối và các tỉnh miền Bắc, với độ cao phù hợp (khoảng 6-800 m) phù hợp với cà phê chè. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2020 tổng diện tích trồng cà phê của Việt Nam là khoảng 696 nghìn ha, trong đó diện tích cho thu hoạch là 638 nghìn ha. Tây Nguyên là vùng sản xuất cà phê tập trung chính của cả nước. Diện tích cà phê của khu vực này chiếm tới 72% tổng diện tích cả nước và sản lượng cũng chiếm khoảng 92% tổng sản lượng cả nước. Dự báo trong các năm tới diện tích trồng cà phê giảm do giá cà phê thấp khiến người dân chuyển qua trồng cây khác. Theo dự báo của Bộ NN&PT nông thôn, năm 2021 dự báo diện tích trồng cà phê giảm xuống chỉ còn 675 nghìn ha.

Hình 8: Diện tích và sản lượng cà phê Việt Nam 2005-2021



Nguồn: Niên giám thống kê 2021

Theo định hướng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến 2025 tiếp tục duy trì ổn định diện tích 600.000 ha; năng suất 2,7-2,9 tấn/ha, sản lượng 1,8-2 triệu tấn/năm; tiếp tục tái canh và ghép cải tạo các vườn cà phê già cỗi, phấn đấu đến 2025 tái canh và ghép cải tạo thêm từ 30.000 – 40.000 ha...

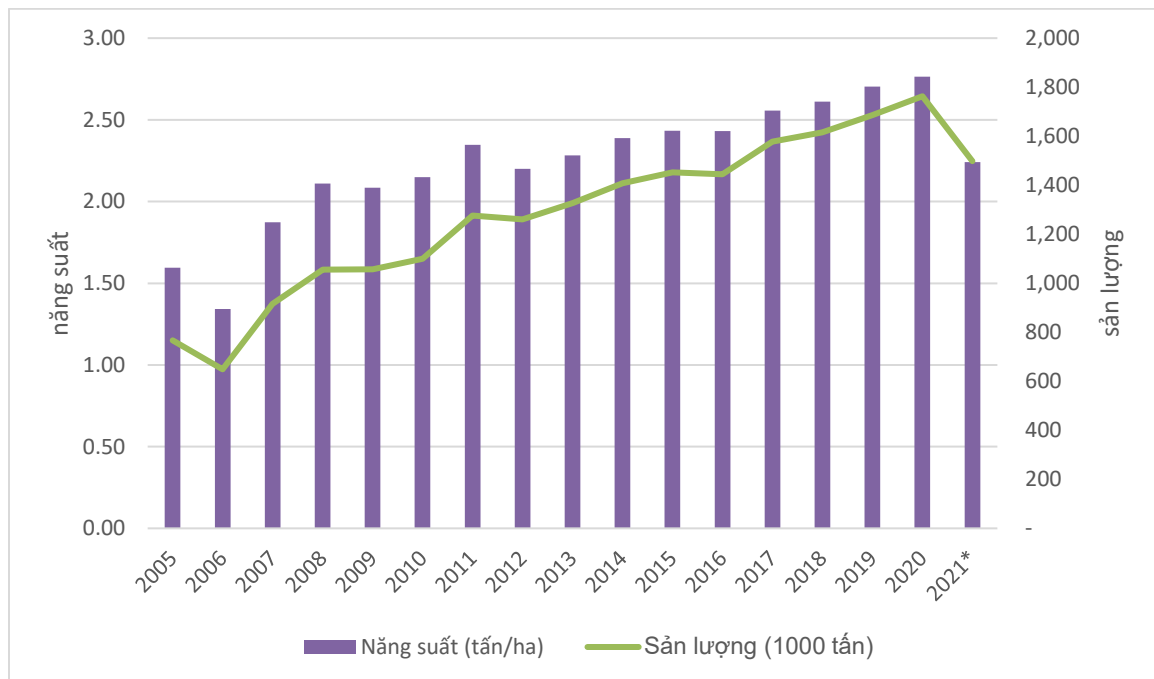


2.2. Năng suất, sản lượng

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê năm 2020, sản lượng cà phê cả nước đạt sản lượng là 1,76 triệu tấn, năng suất đạt 2,77 tấn/ ha.

Vụ thu hoạch ở Việt Nam năm 2021 bị trì hoãn do mùa mưa kéo dài sang tháng 11, tuy nhiên đến nay việc thu hoạch đang được hoàn tất. Theo Hiệp hội Cà phê Việt Nam (Vifoca), sản lượng cà phê niên vụ 2020-2021 đạt 1,62 triệu tấn, giảm 15% so với niên vụ trước do ảnh hưởng bởi đợt mưa lũ vào tháng 10 và hạn hán vào tháng 5 và tháng 6. Thêm vào đó, một số diện tích cà phê với tái canh chưa cho thu hoạch và chuyển sang cây trồng hiệu quả khác đồng thời do giá cà phê xuống thấp nên việc đầu tư chăm sóc vườn cây của người dân hạn chế dẫn đến năng suất thấp.

Hình 9: Sản lượng và năng suất cà phê Việt Nam



Nguồn: Tổng cục thống kê, 2021

Sản lượng cà phê các tỉnh Tây Nguyên chiếm 91% sản lượng cà phê cả nước, niên vụ 2020/2021 đạt hơn 1,57 triệu tấn. Thu hoạch năm 2021 tại khu vực này không được thuận lợi do thời tiết trước vụ thu hoạch khá lạnh, làm ảnh hưởng đến độ chín và tiến độ hái cà phê. Do thiếu nhân công thu hái nên tỷ lệ hái quả xanh rất cao, gây ảnh hưởng đến chất lượng hạt cà phê. Thêm vào đó là thời tiết mưa nhiều, cà phê không phơi sấy được, người dân thậm chí phải dùng củi.

**Bảng 2: Sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2020/2021**

Tỉnh	Sản lượng (Nghìn tấn)
Đắk Lắk	495
Đắk Nông	335
Gia Lai	238
Kon Tum	57
Lâm Đồng	450
Khác	45
Tổng	1.620

Nguồn: Ước tính của Vifoca

Do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid 19, giá phân bón tăng từ 30 – 50%, giá thuốc bảo vệ thực vật tăng khoảng 10- 20%, giá công lao động tăng bình quân khoảng 25% so với năm 2020. Cùng với nhiều diện tích cây cà phê già cỗi, năm nay một số vùng trọng điểm trồng cà phê ở tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk còn bị hạn hán nên phải tưới nhiều hơn. Có nơi người trồng cà phê phải tưới 5 đợt, tăng thêm 2 đợt so với năm không hạn nên lợi nhuận từ trồng cà phê không còn đáng bao nhiêu, nhiều hộ gia đình lỡ nặng... So với năm 2020, trong niên vụ cà phê này, sản lượng cà phê tại Tây Nguyên tăng nhẹ. Tại Đắk Nông, diễn biến thời tiết thuận lợi hơn, nên trong niên vụ này, năng suất cà phê tăng khoảng 3%, đạt trung bình hơn 2,7 tấn/ha. Đặc biệt, tại huyện Đắk Mil (Đắk Nông), năng suất cà phê đạt khá cao, với mức giá cà phê nhân trên 40.000 đồng/kg.

Ngày 02/4/2021, Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quyết định số 1392/QĐ-BNN-TT phê duyệt Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Mục tiêu chung của Đề án là phát triển cà phê đặc sản Việt Nam phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng nhu cầu cà phê đặc sản ngày càng tăng ở các thị trường xuất khẩu và nội địa; đồng thời nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh sản phẩm cà phê Việt Nam trên thị trường thế giới, góp phần phát triển bền vững ngành cà phê Việt Nam. Dự kiến đến năm 2025, diện tích cà phê đặc sản đạt 11.500 ha, chiếm khoảng 2% tổng diện tích cà phê, sản lượng khoảng 5.000 tấn; đến năm 2030 diện tích cà phê đặc sản đạt 19.000 ha, chiếm khoảng 3% diện tích cà phê, sản lượng khoảng 11.000 tấn. Giai đoạn 2021 - 2030, cà phê đặc sản được định hướng phát triển tại 08 tỉnh, gồm: Điện Biên, Sơn La, Quảng Trị, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng.



Để triển khai Đề án, UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 433/QĐ-UBND về phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng ở các thị trường xuất khẩu và tiêu thụ trong nước; từng bước nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh, nâng cao giá trị cà phê xuất khẩu, góp phần phát triển bền vững ngành hàng cà phê.

Tại Sơn La, tỉnh có diện tích cà phê lớn nhất miền Bắc, với gần 20.000 ha, sản lượng ước đạt gần 30.000 tấn cà phê nhân. Hiện, hơn 16.500 ha cà phê được cấp chứng nhận UTZ; 88 ha được cấp chứng nhận VietGAP; gần 100 ha cà phê đặc sản. UBND tỉnh Sơn La cho biết, tỉnh đang tập trung rà soát, đánh giá lại tổng thể diện tích cây cà phê, từ đó tái canh cây cà phê bằng bộ giống mới, đặc biệt là tập trung giống cà phê chất lượng cao và cà phê đặc sản Sơn La.

2.3. Thương mại cà phê

2.3.1. Tiêu dùng cà phê trong nước

Hiện nay, cả nước có 97 cơ sở chế biến cà phê nhân, 160 cơ sở chế biến cà phê rang xay, 8 cơ sở chế biến cà phê hòa tan và 11 cơ sở chế biến cà phê phối trộn.

Bảng 3: Định hướng phát triển ngành cà phê chế biến trong nước

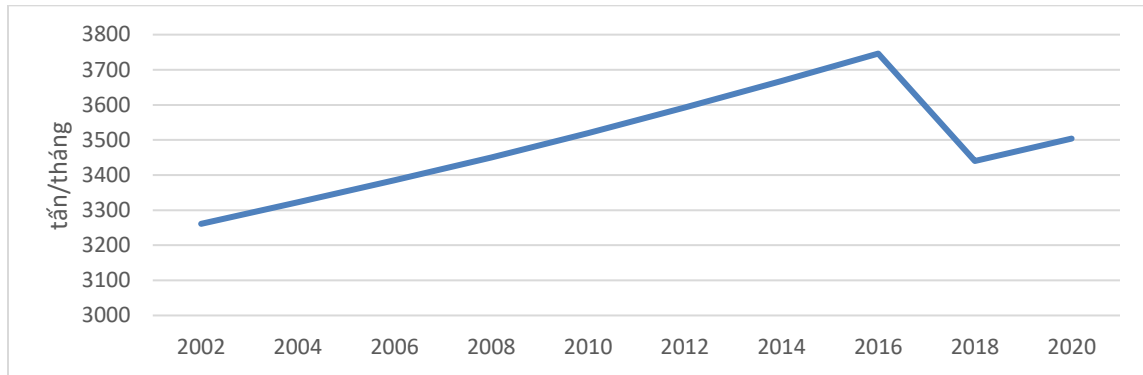
Chỉ tiêu		Năm 2020	Năm 2030
Cà phê bột (rang xay)	Số cơ sở chế biến	160	160
	Công suất (tấn/năm)	50.000	50.000
Cà phê hòa tan	Số nhà máy chế biến	19	19
	Công suất (tấn/năm)	255.000	350.000

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và PTNT

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, sản xuất cà phê bột và cà phê của Việt Nam đã tăng dần qua các năm. Năm 2020, sản xuất cà phê bột và hòa tan đạt 131,1 nghìn tấn, tăng 4,91% so với năm 2020. Trung bình mỗi tháng tiêu thụ cà phê trong nước đạt khoảng 3.000 tấn.



Hình 10: Tiêu thụ cà phê nội địa của Việt Nam theo tháng

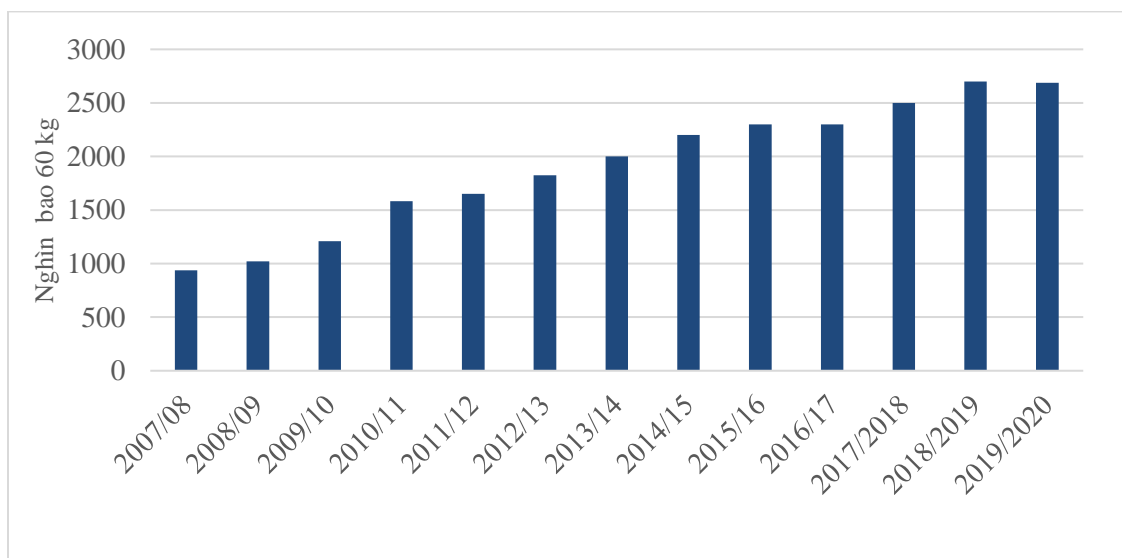


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong đại dịch COVID-19, khi nền kinh tế của toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề nhưng nhu cầu tiêu thụ cà phê vẫn không hề giảm mà ngày càng tăng, chủ yếu là cà phê pha tại nhà tăng. Đây là cơ hội lớn cho ngành cà phê Việt Nam trong thời điểm này. Mặt khác, trước đây sản phẩm cà phê tiêu thụ nội địa chỉ có ít thương hiệu doanh nghiệp trong nước nhưng trong vòng 5 năm gần đây, cùng với sự phát triển tiêu thụ cà phê nội địa thì hàng loạt các thương hiệu cà phê Việt Nam xuất hiện và được người tiêu dùng biết đến.

Theo số liệu thống kê của ICO, tiêu thụ cà phê nội địa tại Việt Nam tăng trưởng tương đối đều đặn trong 10 năm qua với mức tăng trưởng bình quân 8,3%/năm, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tiêu thụ nội địa của Việt Nam chững lại trong các năm gần đây.

Hình 11: Tiêu dùng cà phê trong nước của Việt Nam theo niên vụ



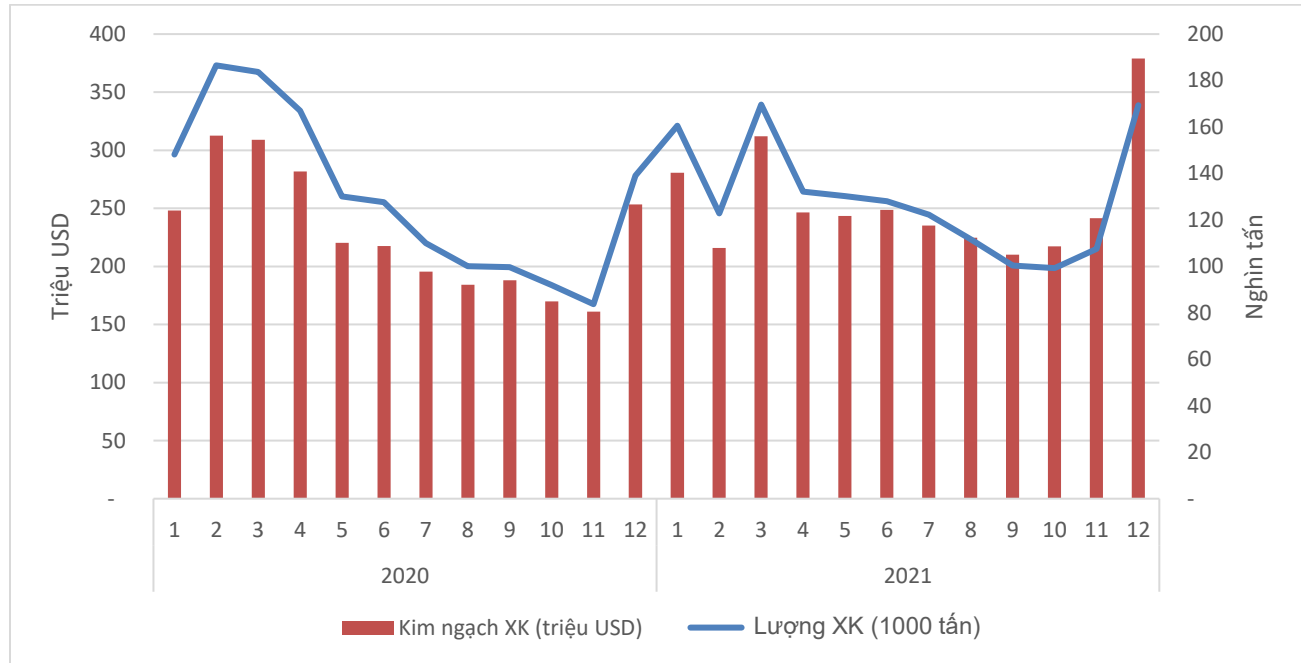
Nguồn: ICO, 2021



2.3.2. Xuất khẩu cà phê 2021

Năm 2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 1,52 triệu tấn, trị giá xấp xỉ 3 tỷ USD, giảm 2,7% về lượng, nhưng tăng 9,4% về trị giá so năm 2020.

Hình 12: Xuất khẩu cà phê theo lượng và kim ngạch



Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2021

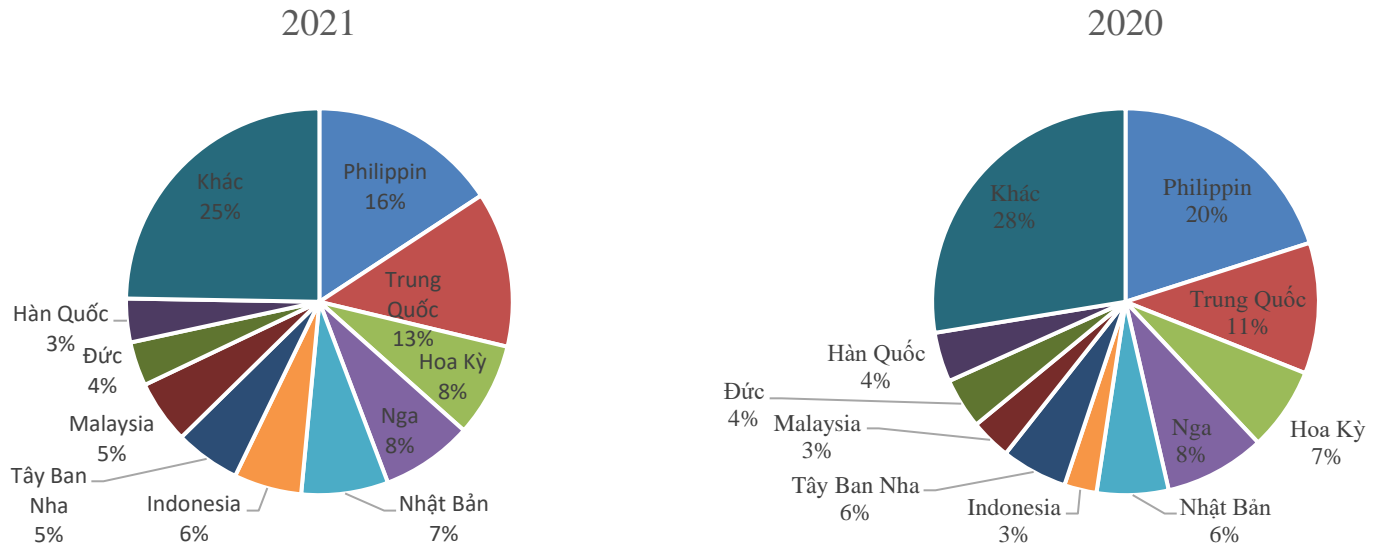
Năm 2021, chủng loại cà phê xuất khẩu của Việt Nam tập trung chủ yếu là cà phê Robusta. lượng cà phê Robusta xuất khẩu sang nhiều thị trường chính giảm, như: Đức giảm 1,4%; Ý giảm 11,2%; Hoa Kỳ giảm 0,6%, Tây Ban Nha giảm 37,8%; An-giê-ri giảm 12,2%. Ngược lại, lượng cà phê Robusta xuất khẩu sang Nga tăng 15,1%; Trung Quốc tăng 61,1%.

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê chế biến năm 2021 đạt 569,46 triệu USD, tăng 2,9% so với năm 2020. Việt Nam hiện xuất khẩu cà phê chế biến tới hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, các thị trường chủ lực của cà phê chế biến Việt Nam là ASEAN, châu Âu, Trung Quốc, Mỹ.

Năm 2021, trị giá xuất khẩu cà phê chế biến của Việt Nam sang nhiều thị trường chính tăng so với năm 2020, ngoại trừ Philippin, Nga, Đức, Hàn Quốc, trong đó xuất khẩu cà phê chế biến sang Indonesia tăng trưởng tới 114,9%, đạt 32,21 triệu USD.



Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu cà phê chế biến của Việt Nam năm 2020, 2021



Nguồn: tính toán từ số liệu hải quan

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), năm 2021 nhập khẩu cà phê của 5 thị trường hàng đầu thế giới tăng. Tuy nhiên, nhập khẩu của Hoa Kỳ, Đức, Pháp từ Việt Nam giảm; nhập khẩu của Italia tăng nhẹ trong khi Canada tăng 44,9%. Nhìn chung, thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của các thị trường Hoa Kỳ, Đức, Pháp, Canada vẫn ở mức thấp. Cụ thể, năm 2021, thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 4,02%; Đức chiếm 9,37%; Pháp chiếm 1,24%; Canada chiếm 1,29% và Nhật Bản chiếm 14,38%.

Liên minh châu Âu (EU) hiện là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất toàn cầu, chiếm 47,9% tổng trị giá nhập khẩu trên toàn thế giới. Tốc độ nhập khẩu cà phê của EU giai đoạn 2015 - 2020 tăng trưởng bình quân 0,3%/năm, đạt bình quân 14,6 tỷ USD/năm (theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế). EU cũng là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam, chiếm 40% trong tổng lượng và 38% về tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước (trung bình giá trị xuất khẩu cà phê sang EU đạt 1,2 – 1,4 tỷ USD/năm trong 5 năm qua). Việc đẩy mạnh xuất khẩu cà phê vào thị trường EU sẽ giúp ngành hàng tăng trưởng ổn định và khẳng định chỗ đứng vững trên thị trường thế giới. Ngay từ khi có hiệu lực, Hiệp định EVFTA đã đưa thuế đối với nhiều dòng sản phẩm cà phê của Việt Nam về 0%, tạo điều kiện giúp ngành hàng cà phê Việt Nam gia tăng giá trị và mở rộng thị phần tại EU. Diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 cộng với những khó khăn trong hoạt động logistics khiến xuất khẩu cà



phê của Việt Nam sang EU trong năm 2021 đạt 546 nghìn tấn, trị giá khoảng 1 triệu USD, tăng 4,4% về kim ngạch (do giá xuất khẩu tăng) nhưng giảm khoảng 9% về khối lượng.

Việt Nam và Brazil đều có Hiệp định Thương mại tự do với Liên minh châu Âu. Do đó, cả hai nước đều được hưởng lợi về thuế suất thuế xuất khẩu cà phê vào EU. Mỗi một quốc gia cung cấp đóng vai trò khác nhau, nhằm vào một số phân khúc nhất định của ngành cà phê EU. Brazil là một nhà cung cấp lớn của cả hai chủng loại Robusta và Arabica, chiếm 71% là Arabica. Trong khi đó, Việt Nam tập trung sản xuất và xuất khẩu cà phê Robusta. Hiện nhu cầu của thị trường EU đối với các loại cà phê chế biến và cà phê chất lượng cao đang trong xu hướng tăng lên. Do đó, tiềm năng xuất khẩu cà phê sang EU rất lớn nếu khai thác tốt nhu cầu thị trường và đáp ứng yêu cầu chất lượng sản phẩm.

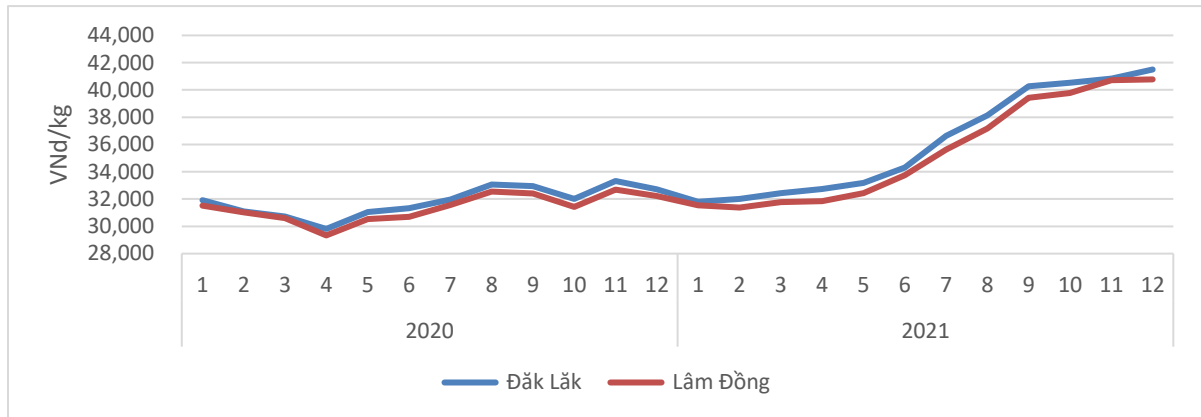
Năm 2022, vẫn được cho là cơ hội cho cà phê Việt Nam bởi Việt Nam và Indonesia là hai nguồn cà phê có thể bù đắp thâm hụt sản lượng của Brazil. Tuy nhiên, sản lượng của Indonesia khá ít nên các nước có thể sẽ đổ dồn vào thị trường Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam đầu năm tới sẽ thuận lợi hơn bởi các yếu tố này. Để đáp ứng yêu cầu khắt khe từ các thị trường, ngoài việc nâng cao chất lượng sản phẩm, ngành cà phê cần chú trọng đến khâu truy xuất nguồn gốc, nâng cao năng lực sản xuất. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam có sự thay đổi, giảm xuất khẩu cà phê nhân thô, đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu cà phê rang xay, hòa tan. Hoạt động xúc tiến thương mại cần tiếp tục được chú trọng, giúp quảng bá và kết nối sản phẩm cà phê của Việt Nam ra thị trường thế giới.



2.4. Diễn biến giá cả

Trong niên vụ 2020/2021, giá cà phê trong nước biến động tăng theo xu hướng chung của thế giới, giá đặc biệt tăng nhanh và đạt đỉnh vào tháng cuối năm.

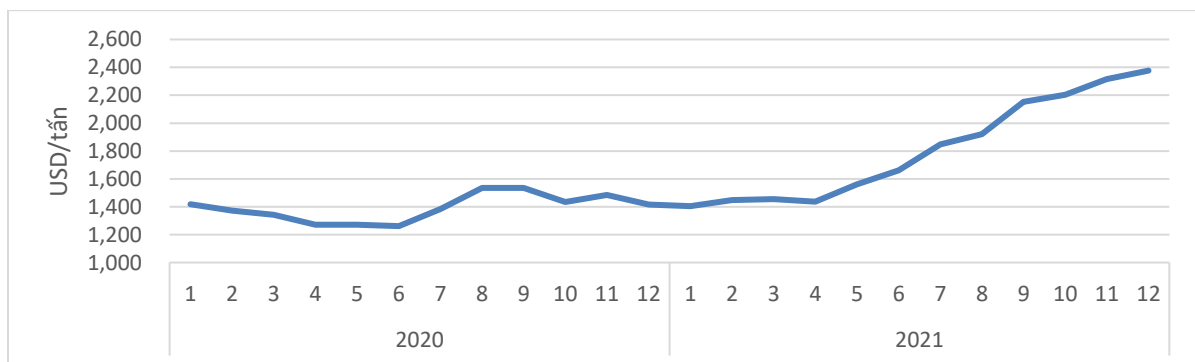
Hình 14: Biến động giá cà phê nhân xô thu mua của một số thị trường trong nước



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê bình quân năm 2021 tại khu vực Tây Nguyên đạt 36.000 đồng/kg, So với năm 2020, giá bình quân trong niên vụ vừa qua của cà phê vối nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên tăng 13,73%, tương đương mức tăng 4.337 đồng/kg.

Hình 15: Biến động giá xuất khẩu cà phê FOB tại cảng HCM



Nguồn: CSDL Agroinfo

Tính chung cả năm 2021, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam ước đạt mức 2.200 USD/tấn, tăng 12,4% so với năm 2020. Giá xuất khẩu bình quân cà phê tháng cuối năm 2021 đạt mức cao nhất kể từ tháng 6/2017. Giãn cách xã hội được nới lỏng, hoạt động thông quan thuận lợi hơn, nhu cầu thế giới tăng là những yếu tố giúp xuất khẩu cà phê của Việt Nam phục hồi cuối năm 2021.



Dự báo năm 2022, giá cà phê toàn cầu sẽ tiếp tục ở mức cao. Diễn biến phức tạp của dịch bệnh khiến nguồn cung hạn chế từ các nước sản xuất lớn như Colombiavà một số nước khu vực Nam Mỹ. Bên cạnh đó, tình trạng tắc nghẽn tại các cảng quốc tế được dự đoán có thể còn kéo dài. Hiện tại, do thiếu nguồn cung cà phê Arabica, một số nhà rang xay đang tìm đến phương án phối trộn cà phê Arabica và Robusta nhằm hạ giá bán. Điều này về lâu dài có thể giúp thay đổi khẩu vị người tiêu dùng và quen hơn với việc uống cà phê Robusta rang xay và sẽ giúp cho cà phê Robusta của Việt Nam xuất khẩu thuận lợi hơn.



III. TRIỂN VỌNG CÀ PHÊ NĂM 2022

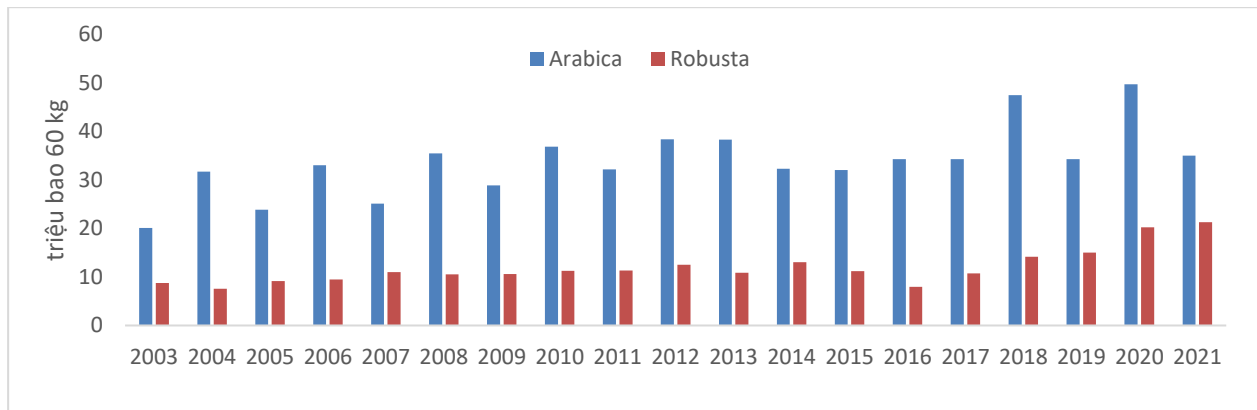
3.1. Thế giới

Về sản xuất

Theo dự báo của USDA, niên vụ 2021/22 sản lượng cà phê thế giới dự báo giảm 8,5 triệu bao so với niên vụ trước xuống mức 167,5 triệu, chủ yếu là do sản lượng của Brazil giảm khi cây Arabica bước vào năm cuối của chu kỳ sản xuất hai năm một lần và ảnh hưởng của thời tiết. Sản lượng cà phê của các nước được dự báo cụ thể như sau:

Brazil: dự báo sản lượng giảm 13,6 triệu bao so với năm trước xuống 56,3 triệu bao Arabica dự kiến giảm 14,7 triệu bao xuống mức 35 triệu bao do vào năm có sản lượng thấp cộng với ảnh hưởng của hạn hán và nhiệt độ cao. Trong khi đó, cà phê Robusta được dự báo sẽ tiếp tục mở rộng diện tích, để đạt mức kỷ lục 21,3 triệu bao, tăng 1,1 triệu bao. Mặc dù sản lượng giảm, tiêu thụ dự kiến sẽ tiếp tục tăng lên mức kỷ lục 23,7 triệu bao. Với nguồn cung giảm, xuất khẩu cà phê nhân dự kiến sẽ giảm 11,7 triệu bao từ mức kỷ lục của năm ngoái xuống 30,0 triệu bao và tồn kho cuối kỳ được dự báo sẽ giảm 500.000 bao xuống còn 2,9 triệu bao.

Hình 16: Ước tính sản lượng của Brazil



Nguồn: USDA

Colombia: dự báo sản lượng tăng 400.000 bao lên 13,8 triệu bao trong điều kiện phát triển thuận lợi. Liên đoàn Quốc gia những người trồng cà phê Colombia (FEDECAFE) ước tính rằng gần 85% diện tích cà phê hiện được trồng bằng các giống kháng bệnh gỉ sắt, so với chỉ 35% vào năm 2008/09 khi điều kiện thời tiết bất lợi khiến bệnh gỉ sắt sinh sôi, làm giảm 1/3 sản lượng. Năng suất cà phê đã tăng 30% phần lớn đến từ các chương trình tái canh thay



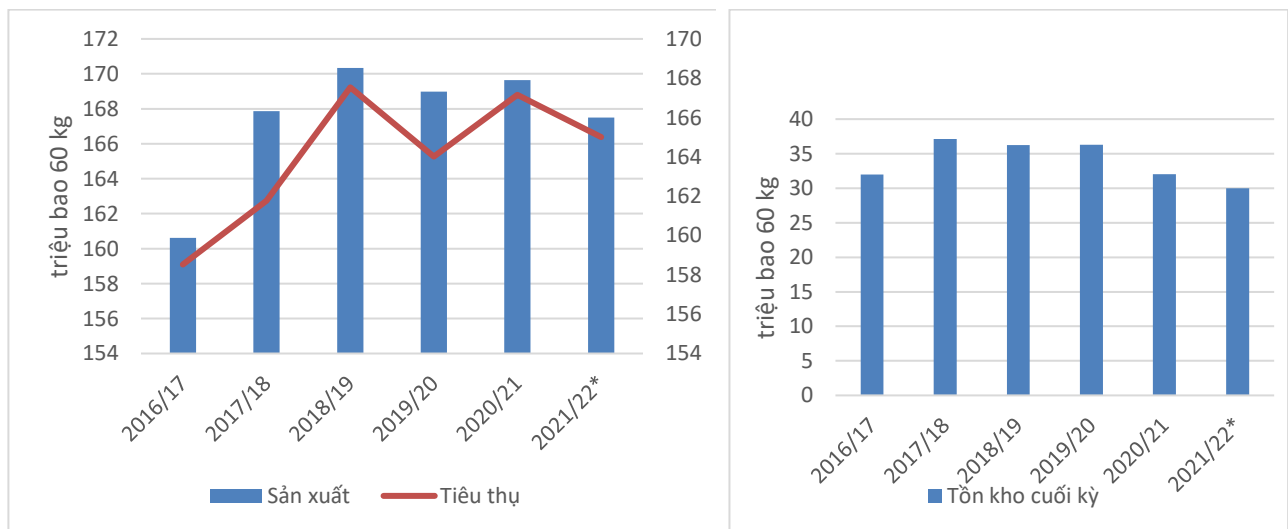
thể những cây già cỗi, năng suất thấp hơn bằng những giống kháng bệnh gỉ sắt. Chương trình cũng giảm tuổi trung bình của cây cà phê từ 15 xuống 7 năm, giúp tăng năng suất hơn nữa. Xuất khẩu cà phê dự kiến sẽ tăng 1,3 triệu bao lên 12,8 triệu bao do lượng tồn kho giảm xuống.

Indonesia: dự báo sẽ giảm 100.000 bao xuống 10,6 triệu bao, chủ yếu giảm sản lượng Robusta. Sản lượng Robusta dự kiến đạt gần 9,4 triệu bao do điều kiện phát triển thuận lợi tại các vùng đất thấp tại Phía Nam Sumatra và Java, nơi chiếm 75% tổng sản lượng cà phê nước này và mưa lớn ở phía bắc Sumatra, nơi cung cấp 60% sản lượng Arabica có thể làm giảm sản lượng arabica xuống mức 1,3 triệu bao. Dự trữ cuối kỳ dự kiến sẽ giảm một nửa xuống chỉ còn 800.000 bao, để duy trì mức tăng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Ấn Độ: sản lượng dự báo tăng 300.000 bao lên mức 5,5 triệu bao do sản lượng Robusta từ bang Karnataka, bang sản xuất cà phê lớn nhất dự báo tăng. Arabica được dự báo sẽ thấp hơn khi bước vào năm cuối của chu kỳ sản xuất hai năm một lần. Xuất khẩu cà phê nhân được dự báo sẽ tăng 100.000 bao lên 3,9 triệu bao.

Khu vực Trung Mỹ và Mexico: dự báo sẽ tăng 700.000 bao lên 19,4 triệu bao do sản lượng tăng ở Honduras, Guatemala, Nicaragua và Mexico. Xuất khẩu khu vực này dự báo sẽ đạt 700.000 bao lên 16,4 triệu bao do nguồn cung cà phê xuất khẩu có thể tăng lên. Khoảng 1/2 lượng xuất khẩu sẽ đến Liên minh Châu Âu, tiếp theo là khoảng 1/3 sang Hoa Kỳ.

Hình 17: Dự báo sản lượng, tiêu thụ và tồn kho thế giới



Nguồn: USDA

Tiêu thụ cà phê toàn cầu dự báo tăng 1,5 triệu bao lên 165 triệu bao, với mức tăng chủ yếu tại Liên minh châu Âu, Mỹ và Brazil.



Tiêu thụ tăng trong khi sản lượng sụt giảm, tồn kho cà phê toàn cầu trong niên vụ 2021-2022 dự kiến sẽ giảm 6,3 triệu bao xuống 30 triệu bao, mức thấp nhất trong 5 niên vụ vừa qua.

Về nhập khẩu

Nhập khẩu của EU đứng đầu thế giới, dự báo giảm 1,1 triệu bao xuống mức 42,5 triệu bao và chiếm gần 40% lượng cà phê nhập khẩu của thế giới. Các nhà cung cấp hàng đầu bao gồm Brazil (34%), Việt Nam (24%), Honduras (8%), và Colombia (6%). Dự trữ cuối kỳ dự kiến tăng 5 triệu bao lên mức 11,33 triệu bao.

Hoa Kỳ có lượng nhập khẩu cà phê đứng thứ 2 sau EU với lượng nhập khẩu dự kiến tăng 700.000 bao lên mức 25 triệu bao. Các nhà cung cấp hàng đầu cho Hoa Kỳ gồm Brazil (30%), Colombia (21%), Việt Nam (11%), và Nicaragua (5%). Dự trữ cuối kỳ được dự báo sẽ giảm 200.000 bao xuống 5,8 triệu bao.

Do sản lượng giảm, tồn kho cuối kỳ toàn cầu dự kiến sẽ giảm 6,3 triệu bao xuống 30,0 triệu bao. Xuất khẩu hạt cà phê thế giới dự kiến giảm 3,8 triệu bao xuống 117,2 triệu do xuất khẩu thấp hơn từ Brazil nhiều hơn so với các lô hàng cao hơn từ Việt Nam. Tiêu thụ toàn cầu dự kiến tăng 1,5 triệu bao lên 164,9 triệu bao, với mức tăng lớn nhất ở EU, Hoa Kỳ và Brazil.

3.2. Việt Nam

Sản xuất

Tại báo cáo dự báo gần nhất phát hành vào tháng 11/2021, Cơ quan thường trú của Bộ Nông nghiệp Mỹ (Post) đã dự báo sản lượng cà phê Việt Nam tăng lên trong niên vụ 2021/2022 với tốc độ tăng trưởng hàng năm dao động từ 6-10%. Điều kiện thời tiết được cải thiện trong mùa khô năm 2021, bao gồm cả lượng mưa kịp thời, đã hỗ trợ việc cà phê ra hoa kết quả tại vùng trồng cà phê chính Tây Nguyên. Sản lượng và năng suất tăng tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai và Đắk Nông. Dữ liệu quan trắc cho thấy lượng mưa tích lũy từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2021 thấp hơn một chút so với trung bình, nhưng cao hơn so với cùng kỳ năm 2020, tháng 5 năm 2021 ít khô hạn hơn năm trước và lượng mưa tích lũy nói chung cao hơn ở các tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng trong chín tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm trước. Mùa mưa kéo dài cùng với điều kiện thời tiết ẩm ướt hơn gần đây đã gây ra lo ngại về khả năng chậm trễ trong thu hoạch cũng như chất lượng của hạt cà phê.

Post sửa lại ước tính sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2021/22 dự báo sẽ phục hồi từ mức 2,1 triệu bao lên 31,1 triệu bao, trong đó cà phê Robusta chiếm đến 95% sản lượng. Giá Robusta có xu hướng cao hơn trong 12 tháng qua, nhiều người trồng đã có động lực để tăng



năng suất bằng cách đầu tư chi phí tưới tiêu trong thời kỳ khô hạn thông thường từ tháng Giêng đến tháng Ba. Nông dân tiếp tục trồng xen cà phê với các loại trái cây như bơ và sầu riêng để tăng thu nhập. Xuất khẩu cà phê được dự báo sẽ tăng 3,6 triệu bao lên 26,0 triệu bao, làm giảm nhẹ lượng hàng tồn kho.

Bảng 4: Sản lượng cà phê niên vụ 2019 đến 2022

Niên vụ (*)	2019/2020	2020/2021	2021/2022
Diện tích canh tác (hecta)	620.445	620.630	620.921
Sản lượng (nghìn bao)	30.202	28.050	30.005
Năng suất trung bình (tấn/ hecta)	2,92	2,71	2,90

(*) từ tháng 10 đến tháng 9 năm sau

Sản lượng arabica giảm đáng kể trong niên vụ 2020/2021 nhưng tăng mạnh trở lại trong niên vụ 2021/22 lên 1,1 triệu bao với năng suất cao gần bằng niên vụ 2019/20. Arabica phát triển chủ yếu tại tỉnh Lâm Đồng nhưng vẫn ổn định hoặc tăng nhẹ mở rộng ở các tỉnh phía bắc như Sơn La và Điện Biên.

Tiêu thụ

Do ảnh hưởng của Covid, Post đã điều chỉnh mức tiêu thụ nội địa niên vụ 20/21 xuống 3,1 triệu bao, thấp hơn con số chính thức của USDA và không thay đổi so với năm trước. Post cũng điều chỉnh dự báo tiêu thụ nội địa niên vụ 21/22 xuống 3,14 triệu bao, thấp hơn con số chính thức của USDA.

Xuất khẩu

Do giãn cách xã hội, khó khăn về logistic, bao gồm tình trạng chi phí vận chuyển tăng cao, thiếu container vận chuyển và tắc nghẽn cảng ở một số điểm đến, dẫn đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm xuống mức thấp nhất trong 5 năm và giảm ở tất cả các thị trường chính. Dự báo tăng trưởng nhu cầu cà phê thế giới sẽ quay trở lại vào niên vụ 21/22. Với việc giá conilon của Brazil tăng lên mức cao nhất trong nhiều năm do tiêu thụ nội địa tăng và xuất khẩu thấp, xuất khẩu Robusta của Việt Nam trong niên vụ 2021/22 được dự báo là khả quan. Post dự báo xuất khẩu cà phê Việt Nam niên vụ 2021/22 giảm nhẹ xuống 25,8 triệu bao, thấp hơn con số chính thức của USDA, nhưng cao hơn niên vụ 2020/21. Trong đó, xuất khẩu cà phê nhân xanh điều chỉnh giảm xuống 22,9 triệu bao, xuất khẩu cà phê hòa tan và rang tăng lên 2,9 triệu bao, nhờ việc mở rộng đầu tư vào lĩnh vực chế biến

cà phê khi Nestle sẽ tăng gấp đôi sản lượng và Louis Dreyfus và Instanta đã ký một thỏa thuận liên doanh để xây dựng một nhà máy chế biến cà phê hòa tan vào năm 2022. Giá xuất khẩu niên vụ 21/22 dự báo sẽ tăng lên để bù đắp chi phí vận chuyển.

Tồn kho

Các nguồn tin thương mại ước tính tồn kho cà phê cuối vụ của Việt Nam đạt 5,5-8 triệu bao - cao nhất trong hơn sáu năm. Do lượng hàng tồn đọng nhiều và sản lượng có khả năng cao hơn, Post dự báo tồn kho niên vụ 21/22 sẽ tăng lên 6,58 triệu bao, cao hơn con số chính thức của USDA.

Bảng 5: Sản lượng, cung và cầu cà phê của Việt Nam

Đơn vị: nghìn bao 60kg

Niên vụ	2019/2020		2020/2021		2021/2022	
	USDA	Post	USDA	Post	USDA	Post
Tồn kho đầu kỳ	556	556	2.130	2.130	2.930	3.810
<i>Sản lượng Arabica</i>	1.100	1.100	1.000	950	1.150	1.100
<i>Sản lượng Robusta</i>	30.200	30.200	28.000	28.050	29.680	30.005
Tổng sản lượng	31.300	31.300	29.000	29.000	30.830	31.105
<i>Nhập khẩu nhân xơ</i>	300	300	250	250	300	300
<i>Nhập khẩu rang xay</i>	300	300	200	200	200	200
<i>Nhập khẩu hòa tan</i>	100	100	100	100	100	100
Tổng nhập khẩu	700	700	550	550	600	600
Tổng cung	32.556	32.556	31.680	31.680	34.360	35.515
<i>XK nhân xơ</i>	24.526	24.526	23.000	21.920	26.000	22.900
<i>XK rang xay</i>	550	550	550	550	550	550
<i>XK hòa tan</i>	2.250	2.250	2.050	2.300	2.300	2.350
Tổng xuất khẩu	27.326	27.326	25.600	24.770	28.850	25.800
Tiêu thụ rang xay	2.600	2.600	2.630	2.600	2.680	2.620
Tiêu thụ hòa tan	500	500	520	500	540	520
Tiêu thụ nội địa	3.100	3.100	3.150	3.100	3.220	3.140
Tồn kho cuối kỳ	2.130	2.130	2.930	3.810	2.290	6.575
Tổng lượng cà phê có thể xuất khẩu	28.200	28.200	25.850	25.900	27.610	27.965

Nguồn: USDA

3. Dự báo giá cà phê

Ngân hàng Rabobank của Hà Lan, ngân hàng chuyên về hoạt động tài trợ nông nghiệp dự báo giá arabica trên sàn giao dịch kỳ hạn ICE vẫn được hỗ trợ trong suốt năm 2022 với mức giá dao động từ 3,5 USD đến 4,6 USD/kg. Nguyên nhân là do băng giá và hạn hán ở Brazil năm nay sẽ cản trở hoạt động sản xuất trong mùa vụ mới, dự kiến Brazil sẽ sản xuất 63,5 triệu bao 60 kg vào năm 2022, nhiều hơn 12% so với năm 2021, nhưng kém xa so với sản lượng kỷ lục 72 triệu bao vào năm 2020, sản lượng cà phê arabica trong năm tới đạt 42 triệu bao, trong khi sản lượng robusta đạt 21,5 triệu bao. Sản lượng Brazil nhỏ hơn sẽ dẫn đến thâm hụt nguồn cung toàn cầu là 3,5 triệu bao trong niên vụ 2021/22 (tháng 10-9).

Theo một báo cáo mới được công bố bởi công ty nghiên cứu thị trường IndexBox, năm 2022, giá cà phê arabica được dự báo sẽ giảm khoảng 2% so với cùng kỳ xuống 4,2 USD/ kg, trong khi robusta sẽ tăng 2% so với cùng kỳ lên 2 USD / kg,

Trong khi đó, nông dân trồng cà phê khắp nơi cho biết họ sẽ thắt chặt bán hàng ở mức giá kỳ hạn hiện hành do vật tư phân bón cho cây cà phê đã quá đắt đỏ khiến họ sẽ bị thua lỗ trầm trọng./.

Bản tin được tổng hợp từ các nguồn:

- | | |
|--|---|
| [1]. The ICE | http://theice.com |
| [2]. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ | https://www.usda.gov |
| [3]. Comunicaffe | https://www.comunicaffe.com |
| [4]. CNBC | https://www.CNBC.com |
| [5]. Tạp chí Kinh tế Việt Nam | https://www.vneconomy.vn |
| [6]. Hải Quan Việt Nam | https://www.customs.vn |
| [7]. Bộ Nông nghiệp & PTNT | http://www.mard.gov.vn |
| [8]. Vietnambiz | http://vietnambiz.vn |
| [9]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương; | |
| [10]. Trung tâm thông tin – Agroinfo | http://agro.gov.vn |

Bản tin được thực hiện bởi **AGRO**  **INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn